

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ- ST
Ngày 27/3/2025
“V/v: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hưng;

2. Bà Nguyễn Thị Bạ;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Vũ- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn
Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và
gia đình sơ thẩm thụ lý số: 850/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024
về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-
HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số
27/2025/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Nguyễn Thiên T, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị
T trình bày có nội dung:*

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thiên T tự nguyện chung sống với nhau
năm 2011, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 8 năm 2011 tại Ủy
ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê
Hoàng Y, sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 05/12/2016;

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, ông T không chăm lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay nên bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thiên T;

Về con chung: Bà Lê Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 05/12/2016 đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị T tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị T không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Hiện nay công việc của bà là công nhân may, thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thiên T nhưng ông T vắng mặt không lý do; do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông Nguyễn Thiên T và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án, xét thấy bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thiên T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Thiên T là có cơ sở chấp nhận;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị T về việc ly hôn với ông Nguyễn Thiên T;

Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 01/11/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 05/12/2016 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Bà Thanh không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thiên T có nơi cư trú tại Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Thiên T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thiên T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng, gay gắt cho đến nay;

Xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thiên T phát sinh đã lâu và kéo dài đến nay; mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Lê Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Các cháu Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 01/11/2012, Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 05/12/2016 hiện nay đang ở với mẹ và có nguyện vọng được ở với mẹ; do đó cần giao các cháu Nguyễn Lê Hoàng Y và Nguyễn Hoàng Thiên K cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Nguyễn Thiên T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Lê Thị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thiên T;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thiên T;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 01/11/2012 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 05/12/2016 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Nguyễn Thiên T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Bà Lê Thị T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013891 ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn ông Nguyễn Thiên T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- UBND phường K, thành phố B (Số 173, ngày 08/8/2011);
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương